CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

CÔNG TY C? PH?N Đ?U TU CAO SU QU?NG NAM

Digitally signed by CÔNG TY C? PH?N Đ?U TU CAO SU QU?NG NAM
DN: cn=CÔNG TY C? PH?N Đ?U TU CAO SU QU?NG NAM c=VN l=Đi?n Bàn
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2020-03-30 13:43+07:00

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 33030700039 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 14 tháng 07 năm 2003. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất của Công ty là lần thứ 16 số 4000386181 ngày 21 tháng 8 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thắng Lợi	Thành viên (*)
Ông Khuất Duy Tiến	Thành viên (*)
Bà Phạm Thị Minh Phượng	Thành viên
Ông Trần Quang Thái	Thành viên

(*) Ông Nguyễn Thắng Lợi và Ông Khuất Duy Tiến đã có đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua tại Nghị quyết số 47/2019/NQ-ĐHCĐ/VHG ngày 24/7/2019.

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Vũ Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 47/2019/NQ-ĐHCĐ/VHG ngày 24/7/2019 đã thông qua Tờ trình về việc tái cấu trúc tài chính, thoái vốn tại các công ty con. Ngày 04/11/2019, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Nghị quyết số 48/VHG về việc thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam. Công ty đã tiến hành các thủ tục thoái vốn tại công ty này trong năm và Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam không còn là công ty con của Công ty.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31/12/2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 31, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

VŨ ANH TUẤN
Tổng Giám đốc
Quảng Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Số:016/2020/BCKT-HT.00075

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2020, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2019, dự phòng đầu tư tài chính cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn (Công ty liên kết của Công ty) được Công ty ghi nhận trên báo cáo tài chính với giá trị 75.338.639.584 đồng (tại ngày 31/12/2018 là 75.338.639.584 đồng). Dựa vào các thông tin và tài liệu hiện có tại đơn vị, chúng tôi đã không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn tại ngày 01/01/2019 và tại ngày 31/12/2019. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không và các ảnh hưởng nếu có đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Văn phòng Hà Nội • Tel: +84 4 38 373 666 • Fax +84 4 32 191 538 • Email: pkf.afcht@pkf.afcvietnam.vn
Tầng 12B tháp Tây, tòa nhà Hancorp Plaza • Số 72 Trần Đăng Ninh • P. Dịch Vọng • Q. Cầu Giấy • TP. Hà Nội • Việt Nam

AFC Vietnam is a member Firm of the PKF international Limited network of legally independen firms and does not accept any responsibility or liability for the actions or inactions on the part of any other individual member firms or firms.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến ngoại trừ như trên, ở đây chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo như sau: Như đã nêu tại Mục 4.1 của Thuyết minh báo cáo tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là hoạt động đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác hiện đang thua lỗ và khó có khả năng thu hồi đầy đủ vốn đầu tư ban đầu. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối luỹ kế đến 31 tháng 12 năm 2019 đã chiếm đến 87,88% Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 81,87%). Mặt khác, Công ty vẫn đang trong quá trình tái cơ cấu hoạt động, kế hoạch kinh doanh năm 2019 đã được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông đã không được hoàn thành và hiện tại chưa có kế hoạch cụ thể để phát triển hoạt động kinh doanh. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục trong 12 tháng tới. Theo đó, Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 10 tháng 04 năm 2019 do Công ty ước tính dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn dựa theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của các công ty được đầu tư và không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

M.S.C.N:0300448995-006-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM CHI NHÁNH HÀ THÀNH
Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

NGUYỄN TRUNG THÀNH	**NGUYỄN THỊ THANH MINH**
Phó Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề	Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 1673-2018-009-1	Kiểm toán số 0068-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**67.084.902.717**	**43.405.414.593**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5.1**	**64.271.793**	**79.746.412**
1.	Tiền	111		64.271.793	79.746.412
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	5.2	**54.000.000**	**48.000.000**
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		350.000.000	350.000.000
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(296.000.000)	(302.000.000)
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**66.862.355.285**	**43.204.166.108**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	132.477.627.971	107.869.298.506
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.270.581.755	11.468.697.355
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	7.581.762.722	7.473.128.640
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(83.467.617.163)	(83.606.958.393)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**5.6**	**-**	**-**
1.	Hàng tồn kho	141		8.910.019.214	8.910.019.214
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.910.019.214)	(8.910.019.214)
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**104.275.639**	**73.502.073**
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		71.038.023	41.418.182
3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	33.237.616	32.083.891
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**146.660.206.552**	**303.330.684.885**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**-**	**-**
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**-**	**-**
3.	Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
	- Nguyên giá	228		675.311.099	675.311.099
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(675.311.099)	(675.311.099)
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**		**-**	**-**
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	5.2	**146.660.206.552**	**303.330.684.885**
1.	Đầu tư vào công ty con	251		216.000.000.000	923.755.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		121.800.000.000	108.500.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	45.180.510.772
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(191.139.793.448)	(774.104.825.887)
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**-**	**-**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**213.745.109.269**	**346.736.099.478**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**5.724.274.678**	**48.681.889.083**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**5.724.274.678**	**46.335.130.586**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	1.457.672.348	1.384.826.348
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		163.239.206	1.457.059.726
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	-	158.807.641
4.	Phải trả người lao động	314		28.551.147	113.008.492
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	-	1.171.912.597
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	3.127.766.311	35.602.470.116
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.8	-	5.500.000.000
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		947.045.666	947.045.666
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**-**	**2.346.758.497**
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.8	-	2.346.758.497
B.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**208.020.834.591**	**298.054.210.395**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**5.13**	**208.020.834.591**	**298.054.210.395**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyế	411a		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		26.169.114.884	26.169.114.884
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.318.148.280.293)	(1.228.114.904.489)
	- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trướ	421a		(1.227.956.096.868)	(926.100.224.728)
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(90.192.183.425)	(302.014.679.761)
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		**-**	**-**
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**213.745.109.269**	**346.736.099.478**

Quảng Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯƠNG VĂN THỊNH	TRƯƠNG VĂN THỊNH	VŨ ANH TUẤN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**6.1**	**8.908.654.136**	**7.426.599.122**
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	**02**		**-**	**-**
3	**Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung**	**10**		**8.908.654.136**	**7.426.599.122**
4	Giá vốn hàng bán	11	6.2	8.820.449.640	7.353.067.780
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp**	**20**		**88.204.496**	**73.531.342**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	292.393	256.339
7	Chi phí tài chính	22	6.4	89.618.160.129	300.598.933.145
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*453.618.010*	*608.177.357*
9	Chi phí bán hàng	25		-	-
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	660.175.010	1.460.497.831
11	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**(90.189.838.250)**	**(301.985.643.295)**
12	Thu nhập khác	31		-	-
13	Chi phí khác	32		2.345.175	29.036.466
14	**Lợi nhuận khác**	**40**		**(2.345.175)**	**(29.036.466)**
15	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**(90.192.183.425)**	**(302.014.679.761)**
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18	**Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)**	**60**		**(90.192.183.425)**	**(302.014.679.761)**

Quảng Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯƠNG VĂN THỊNH	TRƯƠNG VĂN THỊNH	VŨ ANH TUẤN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**(90.192.183.425)**	**(302.014.679.761)**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		-	-
- Các khoản dự phòng	03		(582.971.032.479)	287.349.118.453
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		672.135.218.379	13.123.471.254
- Chi phí lãi vay	06		453.618.010	608.177.357
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**(574.379.515)**	**(933.912.697)**
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		1.495.555.814	24.548.826.240
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(33.780.135.670)	(4.130.973.425)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.625.530.607)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(158.807.641)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(34.643.297.619)**	**19.483.940.118**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.200.000.000)	(19.800.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		55.674.289.104	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		292.393	256.339
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**42.474.581.497**	**(19.799.743.661)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33			120.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.846.758.497)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(7.846.758.497)**	**120.000.000**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	**50**		**(15.474.619)**	**(195.803.543)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**79.746.412**	**275.549.955**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**5.1**	**64.271.793**	**79.746.412**

Quảng Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯƠNG VĂN THỊNH	TRƯƠNG VĂN THỊNH	VŨ ANH TUẤN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 33030700039 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 14 tháng 07 năm 2003. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất của Công ty là lần thứ 16 số 4000386181 ngày 21 tháng 8 năm 2018.

Vốn điều lệ : 1.500.000.000.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh: Trồng cây cao su; Khai thác gỗ; Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại hàng hóa và trồng cây cao su.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Các công ty con tại ngày 31/12/2019, bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Công ty mẹ tại công ty con		
		Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam	Thôn Phú Son, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	72%	72%	72%

Các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31/12/2019, bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Công ty mẹ tại công ty liên kết
Công ty CP SX Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn	Nhà số 2, LK6B, KĐT Mỗ Lao, Q. Hà Đông, Tp.Hà Nội	49%

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán được Ban Tổng Giám đốc áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

4.1 Giả định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Hiện tại, Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là hoạt động đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác hiện đang thua lỗ và khó có khả năng thu hồi đầy đủ vốn đầu tư ban đầu. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối luỹ kế đến 31/12/2019 đã chiếm đến 87,88% Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tại ngày 31/12/2018 là 81,87%). Mặt khác, Công ty vẫn đang trong quá trình tái cơ cấu hoạt động, kế hoạch kinh doanh năm 2019 đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông đã không hoàn thành và hiện tại chưa có kế hoạch cụ thể để phát triển hoạt động kinh doanh. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đang tiếp tục tìm kiếm các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh, tái cơ cấu lại các khoản đầu tư tài chính và các hoạt động kinh doanh chính. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động tối thiểu trong 12 tháng tới. Theo đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.2 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:
- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con: là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Công ty liên doanh: là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết: là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc mỗi kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời..) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính đã khấu hao hết và hiện đang sử dụng.

4.8 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một kỳ tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong kỳ tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.9 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả và các khoản chi phí phải trả khác.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung bán hàng và cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.15 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

4.18 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủ ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

Đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	12.384.616	41.925.100
Tiền gửi ngân hàng	51.887.177	37.821.312
Cộng	**64.271.793**	**79.746.412**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

	Mã chứng khoán	31/12/2019 Số lượng	31/12/2019 Giá gốc VND	31/12/2019 Dự phòng VND	01/01/2019 Số lượng	01/01/2019 Giá gốc VND	01/01/2019 Dự phòng VND
Tổng giá trị chứng khoán kinh doanh		**20.000**	**350.000.000**	**296.000.000**	**20.000**	**350.000.000**	**302.000.000**
Cổ phiếu		***20.000***	***350.000.000***	***296.000.000***	***20.000***	***350.000.000***	***302.000.000***
Công ty CP TM & DV Dầu Khí Vũng Tàu	VMG	20.000	350.000.000	296.000.000	20.000	350.000.000	302.000.000

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019 Giá gốc VND	31/12/2019 Dự phòng VND	31/12/2019 Giá trị hợp lý	01/01/2019 Giá gốc VND	01/01/2019 Dự phòng VND	01/01/2019 Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con	**216.000.000.000**	**(115.801.153.864)**		**923.755.000.000**	**(664.311.346.918)**	
Công ty CP Khoáng sản Quảng Nam (**)	-	-		627.755.000.000	(572.208.499.361)	(*)
Công ty CP Công nghiệp Cao Su Quảng Nam (**)	216.000.000.000	(115.801.153.864)	(*)	296.000.000.000	(92.102.847.557)	(*)
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	**121.800.000.000**	**(75.338.639.584)**		**108.500.000.000**	**(75.338.639.584)**	
Công ty CP SX Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn	121.800.000.000	(75.338.639.584)	(*)	108.500.000.000	(75.338.639.584)	(*)
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-		**45.180.510.772**	**(34.454.839.385)**	
Công ty CP Phát triển BĐS Tây Hồ Tây (**)	-	-		45.180.510.772	(34.454.839.385)	(*)
Cộng	**337.800.000.000**	**(191.139.793.448)**		**1.077.435.510.772**	**(774.104.825.887)**	

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

(**) Chi tiết các giao dịch thoái vốn trong năm như sau:

Cổ phần giao dịch	Số lượng cổ phần giao dịch	Giá gốc		Giá bán		Dự phòng	Lãi/Lỗ
		Giá CP	Giá trị	Giá CP	Giá trị		
			752.935.510.772		**80.800.000.000**	**(646.533.614.116)**	**(25.601.896.656)**
Công ty CP Phát triển BĐS Tây Hồ Tây	1.000.000	45.181	45.180.510.772	10.000	10.000.000.000	(34.454.839.385)	(725.671.387)
Công ty CP Khoáng sản Quảng Nam (*)	62.775.500	10.000	627.755.000.000	223	14.000.000.000	(587.186.113.229)	(26.568.886.771)
Công ty CP Công nghiệp Cao su Quảng Nam (*)	8.000.000	10.000	80.000.000.000	7.100	56.800.000.000	(24.892.661.502)	1.692.661.502

(*) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 47/2019/NQ-ĐHCĐ/VHG ngày 24/7/2019, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 48/VHG ngày 04/11/2019 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 42/NQHĐQT-VHG ngày 05/7/2019.

Thông tin về các công ty con của Công ty

Tên công ty con	Nơi thành lập hoặc đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP Công nghiệp Cao Su Quảng Nam	Quảng Nam	72%	72%	Trồng Cao su

Thông tin về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2019

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tổng tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP SX Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn	Nhà số 2, LK6B, KĐT Mỗ Lao, Q. Hà Đông, Tp.Hà Nội	49%	49%	Hoạt động tư vấn quản lý

(1) Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con (xem tại thuyết minh số 8.2)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

(2) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Số dư đầu kỳ	(774.104.825.887)	(620.874.478.409)
Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ	(65.562.215.741)	(286.828.662.971)
Hoàn nhập dự phòng	648.527.248.180	133.598.315.493
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	**(191.139.793.448)**	**(774.104.825.887)**

5.3. Phải thu của khách hàng

		31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a)	Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
+	Công ty CP XD Thủy Lợi - Thủy Điện Quảng Nam	865.742.848	865.742.848
+	Công ty CP Kỹ thuật TM & Du lịch Thăng Long	616.500.601	616.500.601
+	Chi nhánh Công ty Cp DV Viễn Thông & In Bưu Điện - XN Xây Lắp	464.032.000	464.032.000
+	Trịnh Văn Hà (i)	1.525.710.896	34.000.000.000
+	Phạm Văn Minh (ii)	63.750.000.000	63.750.000.000
+	Đặng Thúy Hoan (iii)	800.000.000	-
+	Đỗ Thị Bé (iv)	56.800.000.000	-
+	Các khoản phải thu khách hàng khác	7.655.641.626	8.173.023.057
	Cộng	**132.477.627.971**	**107.869.298.506**

		31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
b)	Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
	Cộng	**-**	**-**

(i) Khoản phải thu của Ông Trịnh Văn Hà liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Bất động sản Tây Hồ Tây.

(ii) Khoản phải thu của Ông Phạm Văn Minh liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Thuỷ sản Viễn Đông đã được trích lập dự phòng 100% từ năm 2018.

(iii) Khoản phải thu của Bà Đặng Thúy Hoan liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam.

(iv) Khoản phải thu của Bà Đỗ Thị Bé liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.4. Phải thu khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Công ty CP Điện tử - Viễn thông Tin học Bưu điện	665.618.333	(665.618.333)	665.618.333	(665.618.333)
Công ty CP Công nghiệp Cao Su Quảng Nam (*)	6.848.644.389	-	6.729.710.307	-
Tạm ứng	67.500.000	-	77.800.000	-
Cộng	**7.581.762.722**	**(665.618.333)**	**7.473.128.640**	**(665.618.333)**

(*) Các khoản chi hộ phải thu công ty con

5.5. Nợ xấu

Thời hạn nợ	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công nợ phải thu khách hàng	**75.239.794.972**	**1.887.877.897**	**107.869.298.506**	**34.376.640.201**
Nợ quá hạn trên 3 năm	73.196.702.645	-	73.331.241.075	-
Nợ quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	517.381.431	362.167.001	538.057.431	376.640.201
Nợ dưới 6 tháng	1.525.710.896	1.525.710.896	34.000.000.000	34.000.000.000
Ứng trước cho người bán	**11.468.697.355**	**2.018.615.600**	**11.468.697.355**	**2.020.015.600**
Nợ quá hạn trên 3 năm	8.800.081.755	-	8.798.081.755	-
Nợ quá hạn từ 2 đến 3 năm	-	-	-	-
Nợ quá hạn từ 1 đến 2 năm	1.300.000.000	650.000.000	1.300.000.000	650.000.000
Nợ quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	2.000.000	1.400.000
Nợ dưới 6 tháng	1.368.615.600	1.368.615.600	1.368.615.600	1.368.615.600
Phải thu khác	**7.514.262.722**	**6.848.644.389**	**7.473.128.640**	**6.807.510.307**
Nợ quá hạn trên 3 năm	665.618.333	-	665.618.333	-
Nợ dưới 6 tháng	6.848.644.389	6.848.644.389	6.807.510.307	6.807.510.307
Cộng	**94.222.755.049**	**10.755.137.886**	**126.811.124.501**	**43.204.166.108**

(*) Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	(83.606.958.393)	(83.124.502.911)
Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ	(15.873.200)	(482.455.482)
Hoàn nhập dự phòng	155.214.430	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	**(83.467.617.163)**	**(83.606.958.393)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.6. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.910.019.214	(8.910.019.214)	8.910.019.214	(8.910.019.214)
Cộng	**8.910.019.214**	**(8.910.019.214)**	**8.910.019.214**	**(8.910.019.214)**

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Số dư 01/01/2019	**675.311.099**	**675.311.099**
Mua trong kỳ	-	-
Số dư 31/12/2019	**675.311.099**	**675.311.099**
Giá trị đã hao mòn lũy kế		
Số dư 01/01/2019	**675.311.099**	**675.311.099**
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số dư 31/12/2019	**675.311.099**	**675.311.099**
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2019	-	-
Tại ngày 31/12/2019	**-**	**-**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 675.311.099 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.8. Vay và nợ thuê tài chính

		Thuyết minh	31/12/2019 Giá trị VND	31/12/2019 Số có khả năng trả nợ VND	Phát sinh trong kỳ Tăng VND	Phát sinh trong kỳ Giảm VND	01/01/2019 Giá trị VND	01/01/2019 Số có khả năng trả nợ
a)	**Vay ngắn hạn**		**-**	**-**	**-**	**5.500.000.000**	**5.500.000.000**	**5.500.000.000**
	Huỳnh Thị Dạ Thảo		-	-	-	*5.500.000.000*	*5.500.000.000*	*5.500.000.000*
b)	**Vay dài hạn**		**-**	**-**	**-**	**2.346.758.497**	**2.346.758.497**	**2.346.758.497**
	Công ty CP Phát triển BĐS Tây Hồ Tây		-	-	-	*2.346.758.497*	*2.346.758.497*	*2.346.758.497*
			-	-				
	Cộng		**-**	**-**	**-**	**7.846.758.497**	**7.846.758.497**	**7.846.758.497**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.9. Phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH MTV TM DV XD SX Hoàng Gia Phát	727.975.000	727.975.000	727.975.000	727.975.000
Phải trả cho các đối tượng khác	729.697.348	729.697.348	656.851.348	656.851.348
Cộng	**1.457.672.348**	**1.457.672.348**	**1.384.826.348**	**1.384.826.348**

5.10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Phải nộp

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	31/12/2019 VND
Thuế thu nhập DN	158.807.641	-	158.807.641	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	**158.807.641**	**3.000.000**	**161.807.641**	**-**

Phải thu

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	31/12/2019 VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	1.153.725	1.153.725
Thuế tài nguyên	32.083.891	-	-	32.083.891
Cộng	**32.083.891**	**-**	**1.153.725**	**33.237.616**

5.11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí lãi vay phải trả	-	1.171.912.597
Cộng	**-**	**1.171.912.597**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.12. Phải trả khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	69.557.193	62.260.998
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.058.209.118	35.540.209.118
Phan Chí Tâm	-	*33.002.000.000*
Công ty CP Khoáng sản Quảng Nam - Tiền mua cổ phần Thái Sơn	*2.100.000.000*	*2.000.000.000*
Các khoản phải trả khác	*958.209.118*	*538.209.118*
Cộng	**3.127.766.311**	**35.602.470.116**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.13. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư 01/01/2018	**1.500.000.000.000**	**26.169.114.884**	**-**	**(926.100.224.728)**	**600.068.890.156**
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(302.014.679.761)	(302.014.679.761)
Số dư 01/01/2019	**1.500.000.000.000**	**26.169.114.884**	**-**	**(1.228.114.904.489)**	**298.054.210.395**
Tăng khác	-	-	-	158.807.621	158.807.621
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(90.192.183.425)	(90.192.183.425)
Số dư 31/12/2019	**1.500.000.000.000**	**26.169.114.884**	**-**	**(1.318.148.280.293)**	**208.020.834.591**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Vốn góp của các cổ đông	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Cộng	**1.500.000.000.000**	**1.500.000.000.000**

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	150.000.000	150.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính từ 01/012019 đến 31/12/2019:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

		Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
a)	Doanh thu		
	Doanh thu bán hàng hoá	8.908.654.136	7.426.599.122
	Cộng	**8.908.654.136**	**7.426.599.122**

		Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
b)	Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-
	Cộng	**-**	**-**

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.820.449.640	7.353.067.780
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	**8.820.449.640**	**7.353.067.780**

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	292.393	256.339
Lãi bán các khoản đầu tư	-	-
Cộng	**292.393**	**256.339**

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	453.618.010	608.177.357
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	672.135.510.772	13.123.727.593
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	38.675.920.175	286.866.662.971
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(621.646.952.654)	-
Chi phí tài chính khác	63.826	365.224
Cộng	**89.618.160.129**	**300.598.933.145**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	32.089.913
Chi phí nhân công	335.130.006	461.392.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	461.286.234	425.734.005
Chi phí khác bằng tiền	3.100.000	541.281.413
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(139.341.230)	-
Cộng	**660.175.010**	**1.460.497.831**

6.6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	32.089.913
Chi phí nhân công	335.130.006	461.392.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	461.286.234	428.734.005
Chi phí khác bằng tiền	3.100.000	55.825.931
Cộng	**799.516.240**	**978.042.349**

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ hiện hành		-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành trong kỳ		-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		**-**	**-**

6.8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN

Thông tin về bộ phận được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Sự kiện quan trong phát sinh trong năm tài chính

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 47/2019/NQ-ĐHCĐ/VHG ngày 24/7/2019 đã thông qua Tờ trình về việc tái cấu trúc tài chính, thoái vốn tại các công ty con. Ngày 04/11/2019, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Nghị quyết số 48/VHG về việc thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam. Công ty đã tiến hành các thủ tục thoái vốn tại công ty này trong năm và Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam không còn là công ty con của Công ty.

8.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt trong năm:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Mượn tiền		
Ông Vũ Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	420.000.000	120.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải trả khác		
Ông Vũ Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	820.000.000	400.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lương	-	117.326.000
	-	**117.326.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Công ty CP Công nghiệp Cao su Quảng Nam		
Thu tiền	-	1.900.000.000
Nộp hộ tiền thuê đất	118.934.082	-
Công ty CP SX Ứng dụng công nghệ Cao Thái Sơn		
Mua cổ phần và trở thành công ty liên kết	-	108.000.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

	31/12/2019	01/01/2019
Phải thu khác		
Công ty CP Công nghiệp Cao su Quảng Nam	6.848.644.389	6.729.710.307

8.4 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	31/12/2018 (đã kiểm toán)	Số phân loại lại	01/01/2019 (sau phân loại)
		VND	VND	VND
Phải thu ngắn khách hàng	131	10.119.298.506	97.750.000.000	107.869.298.506
Phải thu ngắn hạn khác	221	105.223.128.640	(97.750.000.000)	7.473.128.640

8.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Hiện tại, Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là hoạt động đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác hiện đang thua lỗ và khó có khả năng thu hồi đầy đủ vốn đầu tư ban đầu. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối luỹ kế đến 31/12/2019 đã chiếm đến 87,88% Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tại ngày 31/12/2018 là 81,87%). Mặt khác, Công ty vẫn đang trong quá trình tái cơ cấu hoạt động, kế hoạch kinh doanh năm 2019 đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông đã không hoàn thành và hiện tại chưa có kế hoạch cụ thể để phát triển hoạt động kinh doanh. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đang tiếp tục tìm kiếm các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh, tái cơ cấu lại các khoản đầu tư tài chính và các hoạt động kinh doanh chính. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động tối thiểu trong 12 tháng tới. Theo đó, Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

8.6 Vấn đề khác

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam đã ra Nghị quyết số 47/2019/NQ-ĐHCĐ/VHG ngày 24/7/2019. Theo Điều 7 của Nghị quyết này, Đại hội đồng cổ đông đã uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Quảng Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
TRƯƠNG VĂN THỊNH	TRƯƠNG VĂN THỊNH	VŨ ANH TUẤN